

Bản án số: 64/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 5 - 2020
V/v trA chấp “Ly hôn”

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ghên.

Bà Trần Thị Đồi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1977. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Anh Trần Ngọc A, sinh năm 1970. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 06 tháng 02 năm 2020 và những lời khai tiếp theo tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H trình bày: Chị và anh Trần Ngọc A chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang. Cuộc sống vợ chồng H phúc được một thời gian đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, Anh Trần Ngọc A nhậu về

đánh chửi vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ tháng 12 năm 2019 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Ngọc A.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Ngọc Anh D, sinh ngày 20/9/2010. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Trần Ngọc A trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: A thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Ngọc H về thời gian chung sống; điều kiện kết hôn, thời gian mâu thuẫn; và con chung. Vợ chồng chung sống đến tháng 12 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mâu thuẫn về kinh tế, tiền bạc. Nay, chị Nguyễn Ngọc H xin ly hôn, A không đồng ý, vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, A cần thêm thời gian để vợ chồng hàn gắn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Ngọc Anh D, sinh ngày 20/9/2010. Khi ly hôn, A đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung, A không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục nhưng kết quả hòa giải đoàn tụ không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Ngọc H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trần Ngọc A; anh Trần Ngọc A hiện cư trú tại ấp 1, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Ngọc A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc H và anh Trần Ngọc A chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L,

tỉnh An Giang vào năm 2011 nên hôn nhân giữa A chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Thấy rằng, trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Ngọc H cho rằng do cuộc sống không phù hợp, bất đồng quan điểm sống anh Trần Ngọc A nhậu về, thường xuyên kiểm chuyện la chửi vợ con, dù đã cho cơ hội nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi nên A chị đã ly thân từ tháng 12 năm 2019 đến nay. Mâu thuẫn giữa A chị cũng không được gia đình hai bên và chính quyền địa phương giải quyết.

Anh Trần Ngọc A cũng xác nhận cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, tiền bạc nhưng từ khi sống ly thân đến nay, anh Trần Ngọc A không tìm ra được biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ, trong khi chị Nguyễn Ngọc H xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh Trần Ngọc A nên kiên quyết yêu cầu ly hôn. Mặt khác, từ ngày Tòa án thụ lý vụ án và hòa giải cho đến nay, A chị vẫn chưa giải quyết được những mâu thuẫn phát sinh, anh Trần Ngọc A cũng không tìm ra được phương hướng đoàn tụ, cho thấy dù đã cố gắng nhưng A chị không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích trên, thấy rằng hôn nhân giữa chị Nguyễn Ngọc H và anh Trần Ngọc A đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn H phúc, do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc H đối với anh Trần Ngọc A là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung và cấp dưỡng: Chị Nguyễn Ngọc H và anh Trần Ngọc A thống nhất A chị có 01 con chung tên Trần Ngọc Anh D, sinh ngày 20/9/2010. Từ khi ly thân đến nay, chị Nguyễn Ngọc H là người trực tiếp chăm sóc con chung. Trong trường hợp ly hôn, chị Nguyễn Ngọc H và anh Trần Ngọc A thống nhất chị Nguyễn Ngọc H được quyền nuôi dưỡng con chung. Tại bản tự khai, con chung cũng có nguyện vọng sống với chị H. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định của con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng cần tiếp tục giao con chung cho chị Nguyễn Ngọc H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Nguyễn Ngọc H không yêu cầu anh Trần Ngọc A cấp dưỡng đối với con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Ngọc H và anh Trần Ngọc A trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Chị Nguyễn Ngọc H và anh Trần Ngọc A thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 273, 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc H đối với anh Trần Ngọc A về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc H được ly hôn với anh Trần Ngọc A.

- Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Ngọc Anh D, sinh ngày 20/9/2010. Anh Trần Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Nguyễn Ngọc H không có yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004589 ngày 06/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Đức Hòa;*
- *UBND phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang;*
- *Chi cục THADS huyện Đức Hòa;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Kim Thanh